

PHỤ LỤC 2

BỔ SUNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 50/2025/NQ-HĐND NGÀY 11/12/2025 CỦA HĐND TP ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Quyết định số: 707/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của UBND xã Trà Tân)

DVT: đồng

TT	Tên đơn vị	ĐT đã được bổ sung theo QĐ 873/QĐ-UBND ngày 31/12/2025				Tổng nhu cầu 2026				Đề nghị điều chỉnh kinh phí theo QĐ 873 ngày 31/12/2025 của UBND xã Trà Tân					Kinh phí cấp đợt này	Trong đó	
		Kinh phí thực hiện chính sách phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3-5 tuổi theo ND số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ	KP thực hiện chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh QN, giai đoạn 2021-2026 (Nghị quyết số 27/2021/NQ - HĐND ngày 22/7/2021)	KP thực hiện chính sách hỗ trợ ưu tiên ăn trưa đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo Nghị quyết số 50/2025/NQ - HĐND ngày 11/12/2025	Tổng cộng	Kinh phí thực hiện chính sách phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3-5 tuổi theo ND số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ	KP thực hiện chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh QN, giai đoạn 2021-2026 (Nghị quyết số 27/2021/NQ - HĐND ngày 22/7/2021)	KP thực hiện chính sách hỗ trợ ưu tiên ăn trưa đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo Nghị quyết số 50/2025/NQ - HĐND ngày 11/12/2025	Tổng cộng	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng					
										Kinh phí thực hiện chính sách phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3-5 tuổi theo ND số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ	KP thực hiện chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh QN, giai đoạn 2021-2026 (Nghị quyết số 27/2021/NQ - HĐND ngày 22/7/2021)	Tổng cộng	KP thực hiện chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo Nghị quyết số 50/2025/NQ - HĐND ngày 11/12/2025	Tổng cộng			
1	2	3	4	5	6=(3+4+5)	7	8	9	10=(7 +8 +9)	11	12	13	14	15	16=10-6	17	18
TỔNG CỘNG		1.129.781.000	1.571.520.000		2.701.301.000	606.181.000		3.470.320.000	4.076.501.000	523.600.000	1.570.500.000	2.094.100.000	2.094.100.000	2.094.100.000	1.375.200.000	375.200.000	1.000.000.000
	Chi Giáo dục -Đào tạo	1.129.781.000	1.571.520.000	-	2.701.301.000	606.181.000		3.470.320.000	4.076.501.000	523.600.000	1.570.500.000	2.094.100.000	2.094.100.000	2.094.100.000	1.375.200.000	375.200.000	1.000.000.000
1	Trường MG Ánh Dương		63.360.000		63.360.000			334.320.000	334.320.000		63.360.000	63.360.000	63.360.000	63.360.000	270.960.000	70.960.000	200.000.000
2	Trường MG Vành Khuyên	1.129.781.000			1.129.781.000	606.181.000		523.600.000	1.129.781.000	523.600.000	-	523.600.000	523.600.000	523.600.000	-		
3	Trường TH Nguyễn Viết Xuân		480.000.000		480.000.000			864.000.000	864.000.000		478.980.000	478.980.000	478.980.000	478.980.000	384.000.000	84.000.000	300.000.000
4	Trường PTDTBT TH Trần Cao Văn		332.640.000		332.640.000			606.000.000	606.000.000		332.640.000	332.640.000	332.640.000	332.640.000	273.360.000	73.360.000	200.000.000
5	Trường PTDTBT THCS Lý Tự Trọng		268.800.000		268.800.000			414.000.000	414.000.000		268.800.000	268.800.000	268.800.000	268.800.000	145.200.000	45.200.000	100.000.000
6	Trường THCS 19.8		426.720.000		426.720.000			728.400.000	728.400.000		426.720.000	426.720.000	426.720.000	426.720.000	301.680.000	101.680.000	200.000.000

